TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 63/2018/HNGĐ-ST
Ngày:26/7/2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Nguyên Khoa**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lâm Hải Trung**
2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Sen**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Văn Bảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*: Không tham dự.

Trong ngày 26/7/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 192/2018/TLST-HNGĐ, ngày 07/5/2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/6/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thúy D**, sinh 1980 (có mặt)
Địa chỉ: Số 11A/1, ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh S**, sinh 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 11A/1, ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2018 và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy D trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Nguyễn Thanh S qua quen biết tìm hiểu nhau khoảng thời gian 02 năm rồi sau đó đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 31/12/2002.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với gia đình bên chồng tại ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh A, sinh ngày 01/8/2004 và Nguyễn Thanh B, sinh ngày 28/10/2010, hiện nay hai cháu đang sống chung với chị D.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh S đam mê cờ bạc, không quan tâm chăm lo cho cuộc sống gia đình, thậm chí nhiều lần còn hành hung chị D. Mặc dù chị D đã cố gắng chịu đựng và khuyên ngăn anh S sửa đổi để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng bản thân anh S vẫn không khắc phục được. Đến tháng 4/2018 anh S đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khoảng đầu tháng 6/2018 về nhà, khi đó chị D và anh S có gặp nhau trao đổi về việc chị D gửi đơn ly hôn với anh S, nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn tình cảm được. Qua thời gian, chị D xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh S. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh S, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh A, sinh ngày 01/8/2004 và Nguyễn Thanh B, sinh ngày 28/10/2010, vì hiện nay đang sống chung với chị và hai cháu cũng có nguyện vọng tiếp tục sống chung với chị, đồng thời chị không yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục:

Anh Nguyễn Thanh S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh S theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh S qua khoảng thời gian quen biết và tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 31/12/2002. Do đó, quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn này đến nay chưa được giải quyết, nên dẫn đến giữa chị D và anh S hiện không còn chung sống với nhau. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án cho đến tại

phiên tòa hôm nay, phía anh S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nên mặc nhiên anh S đã biết nguyên nhân dẫn đến việc chị D xin ly hôn, đồng thời anh S vẫn chưa có văn bản nào ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị D.

Qua đó cho thấy, chị D nêu ra nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do anh S có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu của chị D xin ly hôn với anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Xét yêu cầu của chị D được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh A, sinh ngày 01/8/2004 và cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 28/10/2010. Hội đồng xét xử xét thấy, chị D hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung, đồng thời hai cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị D. Do đó, nên cần thiết tiếp tục giao hai con chung cho chị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Thúy D tự thỏa thuận với anh Nguyễn Thanh S và không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thúy D được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh A, sinh ngày 01/8/2004 và cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 28/10/2010 cho chị Nguyễn Thị Thúy D được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Thúy D tự thỏa thuận với anh Nguyễn Thanh S và không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Thúy D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001509 ngày 07/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, nên chị Diễm không phải nộp thêm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại nơi cư trú.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- THADS huyện Long Hồ;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Nguyên Khoa